

BƯỚC ĐẦU ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG CÁC LOÀI CÂY THUỐC ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO KINH NGHIỆM TRUYỀN THỐNG CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC TÀY TẠI HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

Phạm Ngọc Khánh^{1,*}, Nguyễn Hải Văn¹, Lương Văn Hào¹, Lương Vũ Đức¹, Vàng Dừng Thế¹, Vàng Mí Nhù¹, Khuất Thị Chung¹, Đoàn Thị Huyền Trang¹, Chu Thị Thúy Nga¹, Đào Thu Huệ¹, Nguyễn Văn Khiêm^{1,2}

¹Trung tâm Nghiên cứu dược liệu Sa Pa - Viện Dược liệu; ²Viện Dược liệu

*Email: khanhnimm@gmail.com

(Nhận bài ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Tóm tắt

Kết quả điều tra đã ghi nhận được 44 loài thuộc 37 chi, 30 họ, 2 ngành thực vật được sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm truyền thống của cộng đồng dân tộc Tày tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Trong số những loài cây thuốc trên, có 24 loài sử dụng bộ phận cành và lá để làm thuốc (chiếm 54,55%); 13 loài sử dụng củ, thân rễ và rễ (chiếm 29,55%); 5 loài sử dụng thân (chiếm 11,3%); 1 loài là sử dụng toàn cây và 1 loài sử dụng hoa để làm thuốc (mỗi loài chiếm 2,27%). Đa số các loài cây thuốc đã được thu thập, trồng tại vườn nhà (gồm 21 loài, chiếm 47,73%). Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu sử dụng, các loài cây thuốc được thu hái thường xuyên từ rừng tự nhiên (gồm 19 loài, chiếm 43,18%) và các sinh cảnh khác như ven các khe suối (gồm 8 loài, chiếm 18,17%), rừng trồng (gồm 7 loài, chiếm 15,91%) và nương, đồi (gồm 6 loài, chiếm 13,64%). Trong tổng số 44 loài cây thuốc, có 8 loài (chiếm 18,18%) là đối tượng được xếp hạng từ sắp nguy cấp (VU) đến rất nguy cấp (EN) theo Sách đỏ Việt Nam (2007) [2], cần được ưu tiên bảo tồn và bảo vệ nghiêm ngặt.

Từ khóa: *Cây thuốc, Cộng đồng dân tộc Tày, Kinh nghiệm truyền thống, Huyện Bắc Hà.*

Summary

Diversity of Medicinal Plant Species Used by Indigenous Knowledge of Tay Ethnic Minority Community in Bac Ha District, Lao Cai Province

The results of investigation were recorded 44 species of 37 genera, 30 families, 2 vascular plant divisions which are harvested, used as medicine by indigenous knowledge of Tay ethnic minority community in Bac Ha district, Lao Cai province. Among them, there are 24 species used branches and leaves (54.55%), 13 species used tubers, rhizomes and roots (29.55%), 5 species used stems (11.3%); 1 species used the whole plant and 1 species used flowers (2.27%, each). Most of medicine plants have been collected and planted in domestic garden (21 species, 47.73%). In addition, medicinal plants were harvested in natural forests (19 species, 43.18%), along streams (8 species, 18.18%), domestic forest (7 species, 15.91%) and field (6 species, 13.64%) to satisfy the demand of peoples. In a total of 44 medicine plants, there are 8 species (18.18%) classified from Vulnerable (VU) to Endangered (EN) according to the Vietnamese Red Data Book (2007) and need for conservation and prioritized protection.

Keywords: *Medicinal plants, Tay ethnic minority community, Indigenous knowledge, BacHa district.*

1. Đặt vấn đề

Huyện Bắc Hà có tổng số dân là 67.745 người với 14 cộng đồng dân tộc cùng chung sống [1]. Dân tộc Tày có tổng số dân lớn thứ 3 trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, với 6.825 người sinh sống tại các xã của huyện Bắc Hà, tập trung nhiều nhất tại các xã Tà Chải và Bản Liên. Tại nơi đây, người Tày có những văn hóa truyền thống lâu đời, trong đó có kinh nghiệm sử dụng các loại cây thuốc và bài thuốc để chữa bệnh.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, việc khai thác và sử dụng cây thuốc thiếu sự kiểm soát, đồng thời việc mở rộng diện tích đất sản xuất của người dân đã ảnh hưởng đến môi trường sống của nhiều loài cây thuốc vốn thích nghi với điều kiện dưới tán rừng. Nên những loài cây thuốc đang được sử dụng theo kinh nghiệm truyền thống của đồng bào dân tộc tại huyện Bắc Hà nói chung và người Tày tại huyện Bắc Hà nói riêng đang trở nên cạn kiệt, nhiều loài trở nên khan hiếm. Do đó, việc nghiên cứu thành phần loài cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của cộng đồng các dân tộc tại huyện Bắc Hà là rất cần thiết. Trong

nghiên cứu này, chúng tôi thực hiện đánh giá đa dạng thành phần loài cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Tày sinh sống tại huyện Bắc Hà, làm cơ sở đề xuất các biện pháp bảo tồn, khai và phát triển bền vững.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài thực vật được sử dụng làm thuốc chữa bệnh theo kinh nghiệm truyền thống của cộng đồng dân tộc Tày tại xã Tà Chải và xã Bản Liên là 2 xã đại diện cho các vùng sinh thái thuộc huyện Bắc Hà, có trên 80% người dân là đồng bào dân tộc Tày.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại xã Tà Chải và xã Bản Liên (huyện Bắc Hà) trong thời gian từ ngày 8 tháng 11 năm 2022 đến ngày 16 tháng 11 năm 2022.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phỏng vấn

Sử dụng bộ phiếu điều tra phỏng vấn thầy thuốc là người Tày về tri thức sử dụng cây thuốc chữa bệnh, nhằm biết trước sự có mặt của cây

thuốc trong khu vực. Thu thập thông tin về thành phần loài, mức độ phong phú, sự phân bố trong tự nhiên và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của người Tày. Tại xã Tà Chải phỏng vấn 3 thầy thuốc và 5 người dân tộc Tày có kinh nghiệm sử dụng và thường xuyên đi rừng thu hái cây thuốc; tại xã Bản Liên phỏng vấn 2 thầy thuốc và 5 người dân tộc Tày có kinh nghiệm sử dụng và thường xuyên đi rừng thu hái cây thuốc.

Phương pháp khảo sát thực địa

Phương pháp thu mẫu ngoài thực địa: Khảo sát tổng thể để xác định tuyến nghiên cứu và tiến hành thu mẫu theo 2 tuyến chính: +) Tuyến 1: Tại xã Tà Chải, đi từ cụm dân cư thôn Na Lo qua các thôn Pắc Ngam, Na Khèo, Na Thả đến thôn Na Kim. Tuyến 1 có tổng chiều dài 6,5 km, đi qua các sinh cảnh vườn nhà, nương đồi, rừng trồng với 5 tuyến phụ là đường mòn đi nương hoặc theo các khe núi là các tuyến đường được các thầy thuốc, đồng bào người Tày tại xã Tà Chải thường xuyên đi thu hái cây thuốc; +) Tuyến 2: Tại xã Bản Liên, đi từ thôn Bản Liên qua các thôn Nậm Cậy, Nậm Ke, Nậm Thằng, Pắc Kẹ. Tuyến 2 có tổng chiều dài 8,5 km, đi qua các sinh cảnh vườn nhà, nương đồi (chè, cọ), rừng trồng (quế), khe suối và rừng tự nhiên với 6 tuyến phụ là đường mòn đi nương hoặc theo các khe núi là các tuyến đường được các thầy thuốc, đồng bào người Tày tại xã Bản Liên thường xuyên đi thu hái cây thuốc.

Trên cả 2 tuyến khảo sát đều có người dẫn đường và thu mẫu là thầy thuốc dân tộc Tày.

Phương pháp giám định tên cây:

- Phương pháp so sánh hình thái: Dựa vào các đặc điểm hình thái, giải phẫu của cơ quan dinh dưỡng và cơ quan sinh sản. Trong quá trình giám định, sử dụng sách chuyên ngành về thực vật ở Việt Nam bao gồm: Cây Cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 1999-2000) [3], Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Nguyễn Tiến Bân, 2001-2005) [4] và các sách chuyên ngành về cây thuốc ở Việt Nam bao gồm: Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi, 2009) [5], Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi, 2012) [6]; *Phương pháp nghiên cứu thực vật* (Nguyễn Nghĩa Thìn, 2004) [7]; Danh lục cây thuốc Việt Nam (Viện Dược liệu, 2016) [8]; Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam (Viện Dược liệu, 2000) [9].

3. Kết luận

3.1. Đa dạng thành phần loài thực vật được sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm truyền thống của cộng đồng dân tộc Tày tại huyện Bắc Hà

Bước đầu thực hiện điều tra kinh nghiệm sử dụng các loại cây thuốc để chữa bệnh của thầy thuốc người Tày sinh sống tại xã Tà Chải và Bản Liên đã ghi nhận được 44 loài được thu hái và sử dụng thường xuyên để chữa bệnh trong cộng đồng dân tộc Tày nơi đây (Bảng 1).

Bảng 1. Danh mục các loài cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của người Tày tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

STT	Tên tiếng Tày	Tên phổ thông	Tên khoa học	Họ thực vật	Công dụng	Bộ phận dùng, cách dùng	Nơi thu hái
1	Tham to	Ba gác quả đỏ	<i>Rauwolfia verticillata</i> var. <i>hainanensis</i> Tsiang	Apocynaceae	Chữa lở, ngứa ngoài da	Cành, lá băm nhỏ. Lượng dùng: 1 bó to (400-500g) đun với 5-6 lít nước để rửa chỗ lở ngứa	Rừng tự nhiên, vườn nhà
2	Rá khảm	Sốt rét lá lớn	<i>Rohdea japonica</i> (Thunb) Roth.	Convallariaceae	Chữa đau bụng, đau dạ dày	Lá tươi rửa sạch. Lượng dùng: 1 nắm nhỏ 40-50g đun với 1-2 lít nước để uống	Rừng tự nhiên, vườn nhà
3	Púng mạng	Chùa dù	<i>Elsholtzia penduliflora</i> W.W.Smith	Lamiaceae	Chữa cảm sốt	Cành, lá non và lá bánh tẻ rửa sạch. Lượng dùng: 1 nắm nhỏ 40-50g đun với 1-2 lít nước để uống	Rừng trồng, vườn nhà
4	Rá khéo chép	Cúc nút áo	<i>Spilanthes ciliata</i> Kunth.	Asteraceae	Giảm đau nhức răng	Nhai cành, lá bánh tẻ và ngâm chữa đau răng	Vườn nhà
5	Biêu đống	Kim ngân lá to	<i>Lonicera hirdebrandiana</i> Coll. et Hemsl.	Caprifoliaceae	Làm thuốc mắt, thanh nhiệt, chữa cảm sốt	Nụ đã phơi và hoa mới nở phơi khô. Lượng dùng: 10-20g đun với 1-2 lít nước để uống	Rừng tự nhiên, vườn nhà
6	Rá cầu	Dây cóc kèn	<i>Derris</i> sp.	Fabaceae	Chữa đau xương khớp, đau cột sống	Cành, lá non, lá bánh tẻ rửa sạch, giã nát đắp ngoài da. Lượng dùng không hạn chế	Rừng tự nhiên
7	Xổm đang	Chàm đỏ	<i>Strobilanthes</i> sp.	Acanthaceae	Chữa trĩ ngoại	Cành, lá bánh tẻ rửa sạch, giã nát, sao cho ấm rồi đắp vào chỗ trĩ. Lượng dùng 1 nắm nhỏ (50-100g tươi)	Nương, đồi, vườn nhà
8	Xổm trắng	Chàm mè	<i>Strobilanthes cusia</i> (Nees) O. Kuntze.	Acanthaceae	Chữa trĩ ngoại	Lá bánh tẻ rửa sạch, giã nát, sao cho ấm rồi đắp vào chỗ trĩ. Lượng dùng 1 nắm nhỏ (50-100g tươi)	Nương, đồi, vườn nhà
9	Bư oi pha	Náng hoa đỏ	<i>Crinum amabile</i> Donn ex Ker Gawl	Amaryllidaceae	Chữa bong gân, đau khớp	Dùng lá tươi hơi nóng, để cho người bị bong gân bó vào chỗ bong gân, đau khớp.	Vườn nhà
10	Rá thầu pót	Hà thủ ô đỏ	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb ex Murray) Czerep	Polygonaceae	Bổ thận	Củ được phơi khô, mỗi lần đun 20-30g với 1-2 lít nước để uống	Rừng trồng, vườn nhà
11	Cút nhùng	Thiên môn đông	<i>Asparagus cochinchinensis</i> (Lour.) Merr	Asparagaceae	Chữa đái đỏ, đái đục, viêm đường tiết niệu	Dùng củ tươi, rửa sạch, đập giập đun uống. Lượng dùng 40-50 g tươi đun với 1-2 lít nước	Vườn nhà
12	Ra quán ma	Bồ bồ	<i>Dracaena angustifolia</i> Roxb.	Dracaenaceae	Làm thuốc bổ	Củ tươi rửa sạch, ngâm rượu Thái lát, phơi khô, dùng 20-30g khô đun với 1-2 lít nước để uống	Rừng tự nhiên, vườn nhà
13	Hán phặc	Bình vôi ruột vàng	<i>Stephania brachyandra</i> Diels.	Menispermaceae	Chữa đau đầu, mất ngủ, giúp an thần	Củ thái lát mỏng, phơi khô. Lượng dùng: 1-2 lát mỏng (5g khô) đun với 1-2 lít nước để uống	Rừng tự nhiên, vườn nhà

STT	Tên tiếng Tây	Tên phổ thông	Tên khoa học	Họ thực vật	Công dụng	Bộ phận dùng, cách dùng	Nơi thu hái
14	Cỏ cần diêng	Hoàng tinh hoa trắng	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib.	Convallariaceae	Làm thuốc bổ	Dùng củ (thân rễ) tươi đun uống. Lượng dùng 40 - 50g củ tươi thái lát mỏng, đun kỹ với 1-2 lít nước.	Rừng tự nhiên, vườn nhà, rừng trồng
15	Mây hòm ngược, May quán ma	Gối hạc	<i>Leea rubra</i> Blume ex Spreng	Vitaceae	Chữa tê thấp, đau nhức xương khớp	Thân cây thái lát, phơi khô. Lượng dùng 40-50g khô đun với 1 - 2 lít nước	Rừng trồng
16	Cỏ phảng cảm	Lá khôi	<i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf.	Primulaceae	Chữa đau dạ dày	Lá phơi khô. Lượng dùng: 1 - 2 lá khô đun với 1-2 lít nước để uống	Ven khe suối, vườn nhà
17	Cỏ ngu khuap	Bảy lá một hoa	<i>Paris vietnamensis</i> (Takht) H.Li	Trilliaceae	Chữa vết thương do côn trùng, rắn cắn giải độc	Củ tươi giã nát đắp vào vết rắn cắn Đun 5 - 1 g khô (10 - 20g tươi) với 1 - 1,5 lít nước, đun kỹ rồi uống	Vườn nhà
18	Nốt khao	Râu hùm	<i>Tacca chantrieri</i> Andr.	Taccaceae	Chữa ho, viêm phổi	Củ (thân rễ) rửa sạch, thái lát mỏng, phơi khô	Rừng tự nhiên, vườn nhà
19	Cỏ chắt mát	Cây xương khí	<i>Clinacanthus nutan</i> (Burm F) Lindau	Acanthaceae	Làm thuốc mát, đun tắm	Cành lá tươi rửa sạch, đun tắm. Lượng dùng 1 bó to (1 - 2kg) đun với 15 - 20 lít nước để tắm	Rừng trồng
20	Cỏ khinh linh	Nghệ đen	<i>Curcuma zedoaria</i> (Christm) Roscoe.	Zingiberaceae	Chữa đau dạ dày	Củ (thân rễ) rửa sạch, thái lát, phơi khô. Lượng dùng 20 - 30 g đun với 1 - 2 lít nước để uống	Vườn nhà
21	Piọc Chiang Bura	Hoa trên lá	<i>Helwingia himalaica</i> Hook F. & Thoms ex C.B.Clarke	Helwingiaceae	Chữa đau nhức xương khớp	Thân bấm nhỏ, phơi khô. Lượng dùng 30 - 40g khô đun với 1 - 2 lít nước uống	Rừng tự nhiên
22	Nga nú	Rau phong luân, kinh giới núi	<i>Elsholtzia blanda</i> (Benth)	Lamiaceae	Chữa vàng da, bệnh gan	Dùng cả cây tươi để đun nước tắm chữa vàng da. Lượng dùng 1 - 2kg tươi đun với 15-20 lít nước để tắm Dùng khô để chữa viêm gan. Lượng dùng 30-40 g đun với 1 - 2 lít nước uống	Rừng trồng
23	Cỏ khí khắp	Sâm chân rết	<i>Helminthostachys zeylanica</i> (L.) Hook.	Ophioglossaceae	Chữa đau lưng, nhức xương khớp	Rễ, củ 20-30g tươi rửa sạch, đun với 1-2 lít nước uống	Ven khe suối
24	Tà phà hân	Dây cóc kén lá thon (Dây mật)	<i>Derris</i> sp.	Fabaceae	Chữa bong gân, trật khớp	Cành lá tươi rửa sạch, giã nát đắp ngoài da vào chỗ đau, lượng dùng không hạ chế	Rừng trồng
25	Cốt păn	Cốt toái bổ	<i>Drynaria fortunei</i> (Kunze) J. Smith	Drynariaceae	Chữa gãy xương, đau mỏi lưng	Thân tươi rửa sạch, thái lát, đun với 1-2 lít nước đến khi còn 500 - 700 ml, để nguội uống	Rừng tự nhiên
26	Mây phá nặm	Lan trúc	<i>Arundina graminifolia</i> (D.Don) Hochr	Orchidaceae	Chữa đi giải nhiều, háo khát, viêm đường tiết niệu	Cành, lá tươi bấm nhỏ, đun với 1-2 lít nước, để nguội uống. Lượng dùng 40-50 g tươi	Rừng tự nhiên
27	Mây ngam cộm khi	Dây móng bò	<i>Bauhinia</i> sp.	Fabaceae	Chữa trĩ ngoại	Dùng cành lá non rửa sạch, giã nát, sao cho ấm rồi đắp vào chỗ trĩ. Lượng dùng 1 nắm nhỏ (30 - 40 g lá tươi)	Rừng tự nhiên
28	Mây khâu piên	Tử châu	<i>Callicarpa</i> sp.	Verbenaceae	Làm mau lành vết thương sây sát ngoài da, chữa bệnh ngoài da	Dùng cành lá non, lá bánh tẻ rửa sạch, giã nát, sao cho ấm rồi xoa vào chỗ sây sát. Lượng dùng 1 nắm nhỏ (30 - 40 g lá tươi)	Nương, đồi
29	Mây thầu pai	Dạ cẩm	<i>Hedyotis carpitellata</i> Wall.	Rubiaceae	Chữa đau gân, đau xương khớp	Thân tươi rửa sạch, bấm nhỏ, đun với 1 - 2 lít nước uống. Dùng 30 - 40 g thân lá tươi	Nương, đồi
30	Hầu khẻo	Bình vôi trắng	<i>Stephania glabra</i> (Roxb) Miers.	Menispermaceae	Chữa đau đầu, an thần	Củ tươi rửa sạch, thái lát mỏng. Dùng 10-20 g tươi đun với 1-2 lít nước uống	Rừng tự nhiên
31	Mây khâu phạ	Cơm cháy	<i>Sambucus javanica</i> Blume.	Caprifoliaceae	Chữa lở ngứa ngoài da	Dùng cành lá non hơn lửa, vò nát rồi xoa vào chỗ ngứa	Ven khe suối
32	Mây cá co	Sỏi rừng	<i>Sarcandra glabra</i> (Thunb.) Nakai	Chloranthaceae	Chữa ho	Cành lá rửa sạch, bấm nhỏ, phơi khô. Lượng dùng 20 - 30 g khô đun với 1-2 lít nước uống	Rừng tự nhiên
33	Mây đủ tắc tổ	Trọng đũa	<i>Ardisia</i> sp.	Primulaceae	Chữa đau xương khớp	Cành lá bấm nhỏ, phơi khô đun uống. Lượng dùng 30-40 g đun với 1-2 lít nước	Ven khe suối
34	Nhà đíp	Thài lải	<i>Tradescantia</i> sp.	Comelinaceae	Chữa đau rất họng	Cành lá tươi rửa sạch, bấm nhỏ đun uống. Dùng 40-50g tươi đun với 1-2 lít nước	Ven khe suối
35	Nhà khâu mẩu		<i>Strobilanthes</i> sp.	Acanthaceae	Chữa bệnh ngoài da, hôi nách	Cành lá tươi rửa sạch, vò nát, xoa vào nách	Rừng tự nhiên
36	Vật vẹo	Thiên niên kiện	<i>Homalomena occulta</i> (Lour) Schott	Araceae	Chữa lở ngứa ngoài da	Củ (thân rễ) rửa sạch, bấm nhỏ, đun lấy nước rửa chỗ bị lở ngứa	Rừng tự nhiên
37	Mây piông dao	Mía dò	<i>Costus speciosus</i> (J.Konic)	Costaceae	Tốt cho xương khớp, tăng chiều cao cho trẻ nhỏ	Dùng 100 - 200 g thân tươi rửa sạch, bấm nhỏ đun với 1 - 2 lít nước uống	Ven khe suối, vườn nhà
38	Hầu hẵng	Hế mọ	<i>Psychotria</i> sp.	Rubiaceae	Chữa vết thương sây sát, bệnh ngoài da	Dùng 1 nắm cành lá tươi rửa sạch, vò nát, sao cho ấm rồi xoa vào vết thương sây sát	Rừng tự nhiên
39	Mây piông pi	Mỏ đỏ	<i>Clerodendron japonicum</i> (Thunb.) Sweet	Verbenaceae	Chữa lở ngứa ngoài da	Dùng cành lá tươi vò nát, đun lấy nước rửa chỗ bị lở, ngứa	Nương, đồi
40	Thấu cút chì	Bông bong	<i>Lygodium flexuosum</i> (L.) Sw.	Lygodiaceae	Chữa đau nhức khớp	Dùng cành lá tươi rửa sạch, giã nát đắp vào chỗ đau khớp	Nương, đồi
41	Mây phát	Nhội	<i>Bischofia javanica</i> Blume.	Euphorbiaceae	Chữa đau nhức xương khớp	Dùng cành lá đun uống. Lượng dùng 40 - 50g tươi	Ven khe suối, vườn nhà
42	Rá khảm	Sốt rét lá nhỏ	<i>Reineckia camea</i> (Andr.) Kunth.	Convallariaceae	Chữa sốt, nóng trong	Dùng 40 - 50g thân rễ tươi rửa sạch, đun với 1-2 lít nước để uống	Ven khe suối, vườn nhà
43	Hán phặc	Củ dỏm	<i>Stephania dielsiana</i> Y.C.Wu	Menispermaceae	Chữa đau đầu, giúp an thần	Củ tươi rửa sạch, thái lát phơi khô. Dùng 5-10 g củ khô đun với 1 - 2 lít nước để uống	Rừng tự nhiên, vườn nhà
44	Dây gim	Ngũ gia bì gai	<i>Acanthopanax ifoliatum</i> (L.) Voss.	Araliaceae	Bổ, giúp ngủ tốt	Cành lá bấm nhỏ, phơi khô. Dùng 40 - 50 g khô đun với 1 - 2 lít nước uống	Vườn nhà, rừng tự nhiên

Các loại cây thuốc được sử dụng để chữa bệnh theo kinh nghiệm của người Tày nơi đây có sự đa dạng về thành phần loài trong các bậc phân loại. Qua Bảng 2 cho thấy: 44 loài cây thuộc 37 chi, 30 họ, 2 ngành thực vật (Dương xỉ - Polypodiophyta và Ngọc lan - Magnoliophyta) đã được sử dụng làm thuốc. Trong số đó, Acanthaceae là họ có số loài được sử dụng làm

thuốc nhiều nhất với 4 loài, tiếp theo là Convallariaceae, Fabaceae, Menispermaceae với 3 loài; các họ còn lại có 1 - 2 loài. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng lớp Ngọc Lan (Magnoliopsida) có số loài cây được sử dụng làm thuốc nhiều nhất, với 28 loài (chiếm 63,64%); lớp Hành (Liliopsida) có 13 loài (chiếm 29,54%).

Bảng 2. Thành phần loài cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Tày tại huyện Bắc Hà

Ngành thực vật	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Ngành dương xỉ (Polypodiophyta)	3	10,0	3	8,11	3	6,82
Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)	27	90,0	34	91,89	41	93,18
- Magnoliopsida	16	53,33	21	56,75	28	63,64
- Liliopsida	11	36,67	13	35,14	13	29,54
Tổng	30	100	37	100	44	100

3.2. Đa dạng về nơi thu hái các loài cây được sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm truyền thống của cộng đồng dân tộc Tày tại huyện Bắc Hà

Nơi thu hái các loài cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của người Tày tại huyện Bắc Hà rất đa dạng. Kết quả đã ghi nhận được 5 dạng sinh cảnh sống của cây (Bảng 3). Trong đó nhiều loài cây thuốc đã được thu thập để trồng quanh vườn nhà (với 21 loài, chiếm 47,73%), tiếp theo là rừng tự nhiên (với 19 loài, chiếm 43,18%). Ven khe suối ghi nhận được 8 loài (chiếm 18,18%), rừng trồng ghi nhận được 7 loài (chiếm 15,91%) và nương, đồi ghi nhận được 6 loài cây thuốc (chiếm 13,64%).

Bảng 3. Nơi thu hái các loài cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Tày tại huyện Bắc Hà

STT	Nơi sống	Số lượng loài	Tỷ lệ (%)
1	Vườn nhà	21	47,73
2	Rừng tự nhiên	19	43,18
3	Ven khe suối	8	18,18
4	Rừng trồng	7	15,91
5	Nương, đồi	6	13,64

Như vậy, sinh cảnh rừng tự nhiên, ven khe suối, rừng trồng và nương, đồi có vai trò rất quan trọng. Mặc dù nhiều loài cây thuốc đã được các thầy thuốc và người dân thu thập trồng quanh vườn nhà để tạo nguồn dược liệu phục vụ cho nhu cầu chữa bệnh trong cộng đồng. Tuy nhiên, do mức độ sử dụng thường xuyên với lượng lớn nên nhiều loài cây thuốc vẫn phải thu hái từ rừng và các sinh cảnh khác để đáp ứng nhu cầu về dược liệu. Đặc biệt là những loài cây ưa ẩm, ưa bóng, thích nghi tốt với môi trường mọc dưới tán rừng, ven khe suối mà chưa được gây trồng để thu dược liệu. Vì vậy việc bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có tại huyện Bắc Hà không những có ý nghĩa đối với việc bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn mà còn gắn liền với việc bảo vệ nguồn tài nguyên cây thuốc của cộng

đồng các dân tộc, trong đó có những cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của dân tộc Tày.

3.3. Đa dạng về bộ phận sử dụng của các loài cây thuốc được sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm truyền thống của cộng đồng dân tộc Tày tại huyện Bắc Hà

Mỗi loài cây thuốc được thu hoạch các bộ phận khác nhau để sử dụng làm dược liệu. Có những cây thuốc sử dụng các phần dưới mặt đất gồm củ, thân rễ, rễ, trong khi có những loài cây lại sử dụng bộ phận trên mặt đất gồm thân, lá, hoa hoặc quả. Mặc dù vậy, tùy theo kinh nghiệm của từng cộng đồng dân tộc có thể sử dụng các bộ phận khác nhau để chữa bệnh, đó chính là đặc trưng về kinh nghiệm truyền thống của cộng đồng các dân tộc tại từng địa phương.

Bảng 4. Bộ phận sử dụng của các loài cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Tày tại huyện Bắc Hà

STT	Bộ phận sử dụng	Số lượng loài	Tỷ lệ (%)
1	Cành, lá	24	54,55
2	Củ, thân rễ, rễ	13	29,55
3	Thân	5	11,36
4	Cả cây	1	2,27
5	Hoa	1	2,27
	Tổng	44	100

Trong số 44 loài cây thuốc được ghi nhận sử dụng chữa bệnh của cộng đồng dân tộc Tày sinh sống tại huyện Bắc Hà thì hai bộ phận chính được thu hái để sử dụng đó là cành, lá (gồm 24 loài, chiếm 54,55% và củ, thân rễ (gồm 13 loài, chiếm 29,55%) (Bảng 4). Hiếm những loài cây thuốc sử dụng riêng bộ phận thân, hoa hoặc toàn cây. Trong tổng số 44 loài cây thuốc, 14 loài có bộ phận thu hái để làm thuốc là củ, thân rễ (13 loài) và toàn cây (1 loài), chiếm đến 31,82%, nếu

thu hoạch với lượng lớn trong thời gian dài sẽ trở nên cạn kiệt. Đối với những loài cây thuốc này phải hết sức chú ý đến khả năng tái sinh tự nhiên để có thể thực hiện biện pháp khai thác hợp lý, khoanh vùng bảo vệ và phát triển trồng trọt để thu hái.

3.4. Đa dạng về công dụng chữa bệnh của các loài cây thuốc được sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm truyền thống của cộng đồng dân tộc Tày tại huyện Bắc Hà

Bảng 5. Bộ phận sử dụng của các loài cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Tày tại huyện Bắc Hà

STT	Nhóm bệnh	Số lượng loài	Tỷ lệ (%)
1	Chữa bệnh về xương khớp	12	27,27
2	Chữa bệnh ngoài da, lở ngứa	7	15,91
3	Chữa cảm, sốt	4	9,09
4	Làm thuốc bổ	4	9,09
5	Chữa bệnh về dạ dày, hệ tiêu hóa	3	6,82
6	Chữa bệnh về hô hấp	3	6,82
7	Chữa bệnh đau đầu, an thần	3	6,82
8	Chữa trĩ ngoại	3	6,82
9	Chữa bệnh về đường tiết niệu	2	4,55
10	Chữa vết thương do công trùng, động vật cắn	1	2,27
11	Chữa đau răng	1	2,27
12	Chữa bệnh về gan, vàng da	1	2,27
	Tổng	44	100

Đối với công dụng chữa bệnh của mỗi loài cây thuốc được ghi nhận có thể rất khác nhau tùy theo kinh nghiệm của từng dân tộc. Không những vậy, cùng một cộng đồng dân tộc khi sinh sống ở các vùng khác nhau thì kinh nghiệm sử dụng cùng một loại cây thuốc cũng khác nhau. Cộng đồng người Tày tại khu vực huyện Bắc Hà cũng có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc phong phú. Ví dụ: đối với cây thuốc bông bong (*Lygodium flexuosum* (L.) Sw.) được người Tày nơi đây giã nát, đắp vào chỗ đau nhức xương khớp để giảm đau thì cây thuốc này lại được hướng dẫn sử dụng để đun uống với công dụng chữa đái rắt, đái đỏ và dùng ngoài chữa vết thương, vết loét (theo Đỗ Tất Lợi, 2004); Đỗ Huy Bích & cs., 2006). Hoặc cây mía dò (*Costus speciosus* (J. Konig) Sm) được sử dụng phổ biến theo kinh nghiệm dân gian làm thuốc chữa sỏi thận, sỏi tiết niệu thì thầy thuốc người Tày tại thôn Pắc Kẹ, xã Bản Liên dùng đun nước cho trẻ em uống để tăng chiều cao. Đây chính là sự phong phú về tri thức sử dụng cây thuốc để chữa bệnh trong cộng đồng từng dân tộc nói chung, cũng như dân tộc Tày tại huyện Bắc Hà nói riêng. Những tri thức truyền thống này thực sự cần thiết phải được tư liệu hóa và nghiên cứu để có cơ sở khuyến cáo việc sử dụng cây thuốc, bài thuốc có hiệu quả.

3.5. Những loài cây thuốc bị đe dọa, cần được bảo vệ

Trong 44 loài cây được người Tày tại huyện Bắc Hà thu hái dùng làm thuốc chữa bệnh thì có 8 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007), chiếm 18,18% tổng số loài. Trong đó, 05 loài đang nguy

Trong những loài cây thuốc được cộng đồng người Tày tại huyện Bắc Hà sử dụng để chữa bệnh thì nhóm cây thuốc chữa bệnh về xương khớp có số lượng nhiều nhất (với 12 loài, chiếm 27,27%); tiếp theo là nhóm cây thuốc được sử dụng chữa bệnh ngoài da (gồm 7 loài chiếm 15,91%); các cây thuốc chữa bệnh về cảm sốt, làm thuốc bổ (mỗi nhóm bệnh gồm 4 loài, chiếm 9,09%). Các nhóm bệnh còn lại mỗi loại sử dụng 1-3 cây thuốc (Bảng 5).

cấp (VU) bao gồm ba gác quả đỏ (*Rauvolfia verticillata* var. *hainanensis* Tsiang), hoàng tinh hoa trắng (*Disporopsis longifolia* Craib.), sốt rét lá nhỏ (*Reineckia carnea* (Andr.) Kunth.), củ dôm (*Stephania dielsiana* C.Y.Wu) và chùa dù (*Elsholtzia penduliflora* W. W. Smith); 02 loài nguy cấp (EN) gồm ngũ gia bì gai (*Acanthopanax trifoliatum* (L.) Voss.), cốt toái bổ (*Drynaria fortunei* (Kunze) J. Smith); 01 loài cực kỳ nguy cấp (CR) là kim ngân lá to (*Lonicera hirdebrandiana* Coll. et Hemsl.). Những loài cây thuốc này cần được quan tâm nghiên cứu, đánh giá chi tiết hiện trạng về phân bố và trữ lượng tại khu vực huyện Bắc Hà để có thể bảo tồn hợp lý và nhân trồng để tạo nguồn nguyên liệu đáp ứng nhu cầu sử dụng chữa bệnh trong cộng đồng người Tày nơi đây.

4. Kết luận

Bước đầu đánh giá cho thấy các loài cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm truyền thống của cộng đồng dân tộc Tày tại huyện Bắc Hà có sự đa dạng. Về thành phần loài, đã ghi nhận được 44 loài cây thuốc, thuộc 37 chi, 30 họ, 2 ngành thực vật. Trong đó, đa số cây thuốc đã được thu thập và trồng tại vườn nhà để thuận tiện cho việc thu hái. Tuy nhiên để đáp ứng nhu cầu sử dụng, nhiều loài cây thuốc vẫn được khai thác từ rừng tự nhiên và các sinh cảnh khác, với bộ phận thu hái đa dạng gồm toàn cây hoặc từng bộ phận như củ, thân rễ, thân, lá và hoa để chữa 12 bệnh và nhóm bệnh chính theo kinh nghiệm của người Tày nơi đây. Trong số những loài cây thuốc đã ghi nhận có 8/44 loài cây thuốc nằm trong Sách đỏ Việt Nam được đánh giá từ mức sắp nguy cấp

đến cực kỳ nguy cấp. Cần có các biện pháp bảo vệ kịp thời và khuyến khích nhân trồng trong vườn nhà để tạo nguyên liệu phục vụ nhu cầu chữa bệnh trong cộng đồng.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được thực hiện bằng nguồn kinh phí từ nhiệm vụ Bảo tồn cây thuốc cổ truyền và tri thức bản địa năm 2022 do Viện Dược liệu chủ trì.

Tài liệu tham khảo

1. UBND huyện Bắc Hà (2022), Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Hà. 2. Bộ Khoa học và công nghệ và Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam (2007), *Sách Đỏ Việt Nam*, NXB Khoa học tự nhiên. (phần 2 - Thực vật). 612 trang. 3. Phạm Hoàng Hộ (1999-2000), *Cây cỏ Việt Nam*, tập 1, 2, 3. NXB Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh. 4. Nguyễn Tiên Bân (chủ biên) (2001-2005), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội. 5. Đỗ Tất Lợi (2009), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội. 6. Võ Văn Chi (2012), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, tập 1, 2. NXB Y học, Hà Nội. 7. Nguyễn Nghĩa Thìn (2004), *Phương pháp nghiên cứu thực vật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 8. Viện Dược liệu (2016), *Danh lục cây thuốc Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. 9. Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Chung, Bùi Xuân Chương, Nguyễn Thượng Dong, Đỗ Trung Đàm, Phạm Văn Hiến, Vũ Ngọc Lộ, Phạm Duy Mai, Phạm Kim Mãn, Đoàn Thị Nhu, Nguyễn Tập, Trần Toàn (2006), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

Tạp chí Dược liệu, tập 28, số 1/2023 (Trang 51 - 55)

ĐA DẠNG CÂY THUỐC Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

Phạm Thanh Huyền^{1,*}, Nguyễn Văn Hiếu^{1,*}, Phan Văn Trường¹, Nguyễn Quỳnh Nga¹, Đặng Minh Tứ¹, Lại Việt Hưng¹, Nhâm Minh Phúc¹, Phạm Thị Ngọc¹, Lê Đức Thanh², Nguyễn Thu Hằng², Nguyễn Hoàng Hảo³, Võ Quang Trung³, Nguyễn Văn Linh³, Nguyễn Minh Khởi¹

¹Viện Dược liệu; ²Trung tâm Sâm và Dược liệu thành phố Hồ Chí Minh - Viện Dược liệu;

³Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai

*Email: hieueibr@gmail.com

(Nhận bài ngày 18 tháng 01 năm 2023)

Tóm tắt

Kết quả nghiên cứu cây thuốc ở vùng Đông Nam Bộ đã xác định được 1840 loài, 915 chi, 214 họ thuộc 4 ngành/nhóm thực vật bậc cao có mạch, bao gồm Rong rêu (Chlorophyta), Thực vật sinh sản bằng bào tử (Pteridophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, 50 loài có giá trị bảo tồn theo thang đánh giá của Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam (2006 và 2019), Nghị định số 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Hình thức sử dụng cây thuốc cũng được chia làm 3 nhóm gồm: chia theo bộ phận dùng, phương thức sử dụng và nhóm bệnh chữa trị. Dạng sống của cây thuốc được chia làm 6 nhóm, bao gồm: cây thân thảo có 682 loài (chiếm 37,07%), cây bụi có 366 loài (19,89%), dây leo có 258 loài (14,02%), cây gỗ có 462 loài (25,11%), bán ký sinh có 53 loài (2,88%) và phụ sinh có 19 loài (1,03%).

Từ khóa: Cây thuốc, Đa dạng, Vùng Đông Nam Bộ.

Summary

Diversity of Medicinal Plants from Southeast Region of Vietnam

A study on the medicinal plants from the Southeast region - Vietnam resulted in the identification of 1840 species of medicinal plants belonging to 915 genera, 214 families of 4 phyla/groups of vascular plants (Chlorophyta, Pteridophyta, Pinophyta, and Magnoliophyta). Of those, 50 species were listed in the Vietnam Red Data Book (Part II, Plants, 2007), the Red List of Medicinal Plants in Vietnam (2006 and 2019) and in Decree No. 84/2021/NĐ-CP of the government. The list of medicinal plants was categorized according to their (1) part of use, (2) mode of use and (3) therapeutic use. Life forms of medicinal plants were divided into seven groups including: (1) grasses with 682 species (37.07%), (2) shrubs with 366 species (19.89%), (3) lianas with 258 species (14.02%), (4) trees with 462 species (25.11%), (5) hemiparasites with 53 species (2.88%), and (6) epiphytes with 19 species (1.03%).

Keywords: Southeast region, Medicinal plants, Diversity.

1. Đặt vấn đề

Với diện tích tự nhiên lên đến 23.000 km², diện tích rừng tương đối lớn với 7 Vườn Quốc gia (VQG) và Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) là VQG Bù Gia Mập, VQG Lò Gò - Xa Mát, VQG Cát Tiên, VQG Côn Đảo, Khu BTTN Bình Châu - Phước Bửu, Khu BTTNVH Đồng Nai và Khu Dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ; vùng Đông Nam Bộ bao gồm 5 tỉnh (Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu) và 1 thành phố (thành phố Hồ Chí Minh) được đánh giá là vùng quan trọng và rất tiềm năng về tài nguyên cây thuốc của Việt Nam. Mặc dù vậy, các nghiên cứu và công bố về nguồn tài nguyên cây thuốc ở vùng này vẫn còn chưa nhiều. Những nghiên cứu này còn manh mún, mới chỉ được

thực hiện tại một số địa phương. Ngoài ra, với quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa rất mạnh tại vùng, đa dạng sinh học suy giảm với tốc độ đáng báo động trong đó nhiều loài cây thuốc quý, hiếm và có giá trị kinh tế cao có nguy cơ bị đe dọa, thậm chí tuyệt chủng nếu chúng ta không kịp thời có những biện pháp bảo tồn hợp lý. Do đó, việc nghiên cứu, điều tra và tổng hợp, phân tích các dữ liệu, thông tin từ các tài liệu và công trình nghiên cứu đã công bố về cây thuốc vùng Đông Nam Bộ nhằm góp phần bảo tồn bền vững nguồn tài nguyên quý giá này đặc biệt là những nguồn gen cây thuốc đặc hữu, quý, hiếm và có giá trị kinh tế của vùng là rất cần thiết.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu